

Số: /2026/QĐ-UBND Vĩnh Long, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Quy định phân công nhiệm vụ quản lý nhà nước về giá, thẩm định giá trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Giá số 16/2023/QH15;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giá số 140/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính;

Căn cứ Thông tư số 28/2024/TT-BTC ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về trình tự, thủ tục kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá;

Căn cứ Thông tư số 29/2024/TT-BTC ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và kinh phí bảo đảm cho công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định quy định phân công nhiệm vụ quản lý nhà nước về giá, thẩm định giá trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quyết định này quy định về phân công thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước về giá, thẩm định giá trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

2. Các nội dung khác không quy định tại Quyết định này được thực hiện theo quy định tại Luật Giá số 16/2023/QH15 ngày 19 tháng 6 năm 2023 của Quốc hội, Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính

phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá số 16/2023/QH15 và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan được phân công thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước về giá, thẩm định giá được quy định tại Quyết định này.
2. Các tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan lĩnh vực giá, thẩm định giá trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

Chương II

PHÂN CÔNG THẨM QUYỀN, TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ GIÁ, THẨM ĐỊNH GIÁ

Điều 3. Bình ổn giá

1. Trường hợp mặt bằng giá thị trường của hàng hóa, dịch vụ thuộc Danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá quy định tại Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Luật Giá số 16/2023/QH15 có biến động bất thường thì Sở quản lý ngành, lĩnh vực đánh giá diễn biến thực tế và mặt bằng giá thị trường của hàng hóa, dịch vụ trên địa bàn để xây dựng báo cáo bình ổn giá, kèm theo văn bản đề nghị bình ổn giá gửi Sở Tài chính tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định chủ trương, biện pháp, thời hạn bình ổn giá phù hợp và phân công tổ chức thực hiện, cụ thể như sau:

a) Sở Nông nghiệp và Môi trường báo cáo bình ổn giá đối với mặt hàng thóc tẻ, gạo tẻ; phân đạm, phân DAP, phân NPK; thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản; vắc - xin phòng bệnh cho gia súc, gia cầm; thuốc bảo vệ thực vật;

b) Sở Công Thương báo cáo bình ổn giá đối với mặt hàng xăng, dầu thành phẩm; khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG);

c) Sở Y tế báo cáo bình ổn giá đối với mặt hàng sữa dành cho trẻ em dưới 06 tuổi; thuốc thuộc danh mục thuốc thiết yếu được sử dụng tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh do Bộ Y tế ban hành;

d) Sở quản lý ngành, lĩnh vực báo cáo bình ổn giá đối với hàng hóa, dịch vụ được cơ quan có thẩm quyền bổ sung vào Danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá.

e) Ủy ban nhân dân xã, phường (sau đây viết tắt là Ủy ban nhân dân cấp xã) có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện bình ổn giá trên địa bàn.

2. Nội dung báo cáo bình ổn giá, văn bản đề nghị bình ổn giá thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 5 và điểm b khoản 2 Điều 6 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP của Chính phủ.

3. Tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ có trách nhiệm chấp hành biện pháp bình ổn giá được công bố và thực hiện kê khai lần đầu, kê khai lại giá theo quy định tại Điều 28 của Luật Giá số 16/2023/QH15.

Điều 4. Định giá

1. Phân công cơ quan chủ trì thực hiện việc thẩm định phương án giá hàng hóa, dịch vụ và trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành văn bản định giá chi tiết tại Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định này.

2. Cơ quan được phân công nhiệm vụ nêu tại khoản 1 Điều này có trách nhiệm:

a) Tổ chức việc lựa chọn, yêu cầu cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ lập phương án giá theo quy định tại điểm đ khoản 1, điểm d khoản 2 và khoản 3 Điều 9 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP.

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện việc thẩm định phương án giá hàng hóa, dịch vụ và trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành văn bản định giá theo quy định tại Điều 10 và Điều 11 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP.

c) Yêu cầu tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ lập phương án giá theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP để xem xét, điều chỉnh giá; kiểm tra, xem xét kiến nghị điều chỉnh giá của tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ; thực hiện việc thẩm định điều chỉnh phương án giá và trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành văn bản điều chỉnh giá hàng hóa, dịch vụ.

d) Trường hợp cần điều chỉnh danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá, Sở, cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực của hàng hóa, dịch vụ chuẩn bị hồ sơ theo quy định tại khoản 3 Điều 8 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP để báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh gửi Bộ Tài chính tổng hợp.

3. Trường hợp Bộ, cơ quan ngang Bộ định khung giá hoặc giá tối đa hoặc giá tối thiểu để Ủy ban nhân dân tỉnh định giá cụ thể: Cơ quan được phân công nhiệm vụ nêu tại khoản 1 Điều này chuẩn bị hồ sơ theo quy định tại khoản 3 Điều 11 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP gửi Ủy ban nhân dân tỉnh để báo cáo cơ quan có thẩm quyền định khung giá hoặc giá tối đa hoặc giá tối thiểu.

Điều 5. Kê khai giá

1. Phân công cơ quan tiếp nhận kê khai giá và tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ chi tiết tại Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định này.

2. Cơ quan được phân công nhiệm vụ nêu tại khoản 1 Điều này có trách nhiệm:

a) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ tại Mục IV Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định này.

b) Thực hiện tiếp nhận kê khai giá theo quy định tại Điều 28 Luật Giá và Điều 17 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP; thực hiện các quyền và trách nhiệm của cơ quan tiếp nhận kê khai giá theo quy định tại khoản 1 Điều 18 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP.

c) Trường hợp cần điều chỉnh danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê

khai giá; cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực của hàng hóa, dịch vụ lấy ý kiến cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan và Bộ, cơ quan ngang Bộ quản lý ngành, lĩnh vực theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 15 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP và chuẩn bị hồ sơ theo quy định tại khoản 3 Điều 15 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP gửi Sở Tài chính để báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh gửi Bộ Tài chính.

d) Phối hợp với Thuế tỉnh Vĩnh Long rà soát, đề xuất danh sách các tổ chức kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá tại địa phương và không thuộc danh sách kê khai giá của các Bộ, cơ quan ngang Bộ đã ban hành theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều 28 Luật Giá và khoản 2 Điều 16 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP gửi Sở Tài chính trước ngày 10 tháng 01 hàng năm để tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thông báo điều chỉnh danh sách kê khai giá.

3. Trách nhiệm rà soát, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành danh sách tổ chức kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hiện kê khai giá tại địa phương như sau:

a) Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Thuế tỉnh Vĩnh Long và các Sở, cơ quan quản lý lĩnh vực, chuyên ngành tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức rà soát, ban hành danh sách tổ chức kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá tại địa phương và không thuộc danh sách kê khai giá của các Bộ, cơ quan ngang Bộ đã ban hành theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều 28 Luật Giá và khoản 2 Điều 16 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP.

b) Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành và cơ quan có liên quan rà soát, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh danh sách tổ chức kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá tại địa phương trước ngày 15 tháng 02 hàng năm hoặc khi phát sinh yêu cầu cần điều chỉnh Danh sách tổ chức thực hiện kê khai giá.

Điều 6. Tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường

1. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Thống kê tỉnh Vĩnh Long, Sở Công Thương, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Xây dựng và Ủy ban nhân dân cấp xã, các đơn vị có liên quan tổng hợp, phân tích dự báo giá thị trường và xây dựng báo cáo giá thị trường trên địa bàn tỉnh tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Bộ Tài chính để tổng hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 15, khoản 1, khoản 2 Điều 16 Thông tư số 29/2024/TT-BTC ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính trên cơ sở tổ chức thực hiện công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và tổng hợp báo cáo của các cơ quan được giao nhiệm vụ báo cáo tại khoản 2, khoản 3 Điều này.

2. Thống kê tỉnh Vĩnh Long phối hợp cung cấp báo cáo chỉ số giá tiêu dùng (CPI) của tỉnh; phân tích diễn biến CPI của tỉnh trong kỳ báo cáo (nếu có); phân tích thực trạng, nguyên nhân của các yếu tố tác động đến CPI (nếu có).

3. Phân công các cơ quan được giao nhiệm vụ tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và báo cáo giá thị trường định kỳ gửi Sở Tài chính để tổng hợp chung; chi tiết phân công thực hiện theo Phụ lục III kèm theo Quyết định này.

4. Tần suất thực hiện, thời gian chốt số liệu báo cáo và thời hạn của báo cáo giá thị trường định kỳ gửi Sở Tài chính tổng hợp:

a) Tần suất thực hiện báo cáo: Thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 16 Thông tư số 29/2024/TT-BTC.

b) Thời gian chốt số liệu báo cáo: Thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 16 Thông tư số 29/2024/TT-BTC. Đối với Thống kê tỉnh Vĩnh Long thời gian chốt số liệu các kỳ báo cáo thực hiện theo quy định báo cáo của ngành thống kê.

c) Thời hạn gửi báo cáo: Các cơ quan được giao nhiệm vụ báo cáo tại khoản 2, 3 Điều này định kỳ xây dựng và gửi báo cáo giá thị trường về Sở Tài chính trước ngày 25 của tháng tiếp theo sau tháng kỳ báo cáo đối với báo cáo tháng và trước ngày 25 của tháng tiếp theo sau tháng cuối cùng của kỳ báo cáo đối với báo cáo quý, 06 tháng, 09 tháng và cả năm; đối với báo cáo 06 tháng, 09 tháng và cả năm, thực hiện báo cáo tương ứng Quý II và 06 tháng, Quý III và 09 tháng, Quý IV và cả năm.

Sở Tài chính tổng hợp và gửi báo cáo giá thị trường về Ủy ban nhân dân tỉnh trước ngày 02 của tháng tiếp theo sau tháng kỳ báo cáo đối với báo cáo tháng và trước ngày 03 của tháng tiếp theo sau tháng cuối cùng của kỳ báo cáo đối với báo cáo quý, 06 tháng, 09 tháng và cả năm để Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Bộ Tài chính theo thời gian quy định. Cập nhật báo cáo giá thị trường của tỉnh vào hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá, phân hệ “Báo cáo giá thị trường”.

5. Đối với công tác báo cáo giá thị trường đột xuất, Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức thực hiện công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và xây dựng báo cáo giá thị trường đột xuất của địa phương, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Bộ Tài chính trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ khi có yêu cầu.

6. Nội dung chi và mức chi cho công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường thực hiện theo quy định tại Điều 19, Điều 20 của Thông tư số 29/2024/TT-BTC.

Điều 7. Cơ sở dữ liệu về giá tại địa phương

1. Phân công cơ quan chịu trách nhiệm cập nhật thông tin, dữ liệu vào Cơ sở dữ liệu về giá của địa phương chi tiết tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Quyết định này.

2. Nội dung cơ sở dữ liệu về giá thực hiện theo quy định tại Điều 23, Điều 24, Điều 25, Điều 26 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP.

3. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định quy chế hoạt động, vận hành, khai thác thông tin, dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu về giá trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

Điều 8. Kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá

1. Các Sở, ban, ngành tỉnh

a) Kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc;

b) Kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá của các tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc lĩnh vực, phạm vi quản lý nhà nước về giá, thẩm định giá của Sở, ban, ngành tỉnh theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Điều 3, Điều 4, Điều 5 Quyết định này và các quy định của pháp luật có liên quan.

2. Trình tự, thủ tục kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá thực hiện theo quy định tại Thông tư số 28/2024/TT-BTC ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về trình tự, thủ tục kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 9. Trách nhiệm thực hiện

1. Sở Tài chính có trách nhiệm tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn quản lý nhà nước về giá, thẩm định giá theo quy định tại Điều 16 của Luật Giá và các văn bản hướng dẫn pháp luật về giá.

2. Các Sở, ban, ngành tỉnh, căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao có trách nhiệm triển khai, phổ biến Quyết định này đến các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan để tổ chức thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước về giá được giao thuộc phạm vi, lĩnh vực quản lý; tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành mới văn bản định giá, điều chỉnh giá hàng hóa, dịch vụ đảm bảo phù hợp với thực tế.

3. Các Sở, ban, ngành tỉnh rà soát, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật (tên gọi chi tiết, chủng loại cụ thể hoặc đặc điểm cơ bản của hàng hóa, dịch vụ) đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc chức năng quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực trên cơ sở tên gọi chung của hàng hóa, dịch vụ trong Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá và Danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá, phù hợp với yêu cầu công tác quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh.

Trường hợp đã có quy định, hướng dẫn về đặc điểm kinh tế - kỹ thuật (tên gọi chi tiết, chủng loại cụ thể hoặc đặc điểm cơ bản của hàng hóa, dịch vụ trên cơ sở tên gọi chung) do cơ quan có thẩm quyền ban hành thì thực hiện theo quy định hiện hành.

4. Các tổ chức, cá nhân kinh doanh có trách nhiệm chấp hành các biện pháp quản lý về giá hàng hóa, dịch vụ trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long theo quy định.

5. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc các cơ quan và tổ chức, cá nhân kịp thời đề xuất bằng văn bản gửi về Sở quản lý nhà nước chuyên ngành xem xét, tổng hợp, sau đó gửi Sở Tài chính để tham mưu, đề

xuất Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

Điều 10. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 17 tháng 02 năm 2026 và bãi bỏ Quyết định số 17/2015/QĐ-UBND ngày 05 tháng 8 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh ban hành quy định quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

2. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu để áp dụng tại Quyết định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế bằng văn bản mới thì sẽ áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Trưởng Thống kê tỉnh Vĩnh Long; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:-

- Như khoản 3 Điều 10;
- Bộ Tài chính;
- Cục KTVB&QLXLVPHC - Bộ Tư pháp;
- TT. TU, TT. HỖND, TT.UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Thuế tỉnh Vĩnh Long;
- Trung tâm Thông tin điều hành;
- Phòng: KTN, KTTH, TH;
- Lưu VT, TH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đặng Văn Chính